

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I

TRƯỜNG THCS VĂN YÊN

MÔN – TOÁN 6 Năm học 2021 - 2022

PHẦN SỐ HỌC:

A. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

1. Xem lại nội dung trong đề cương ôn tập giữa kì I

2. Chương III: SỐ NGUYÊN

- Tập hợp các số nguyên gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương $Z = \{ \dots ; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots \}$

- Phép cộng và phép trừ hai số nguyên:

+ Quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu

+ Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu

+ Quy tắc trừ hai số nguyên: $a - b = a + (-b)$ - Quy tắc dấu ngoặc

- Phép nhân số nguyên. Các tính chất của phép cộng và phép nhân.

*Dấu của tích: $(+) . (+) \rightarrow (+)$ $(-) . (-) \rightarrow (+)$

$(+) . (-) \rightarrow (-)$

$(-) . (+) \rightarrow (-)$

- Phép chia hết. Ước và bội của số nguyên.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Ôn lại nội dung trong đề cương ôn tập giữa kì I

2. Bài tập bổ sung:

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Tập hợp các số nguyên được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$; B. $\mathbb{N}^*$; **C. $\mathbb{Z}$;** D. $\mathbb{Q}$.

Câu 2: Cách viết nào sau đây sai?

- A. $3\mathbb{I}\mathbb{N}$ B. $-3\mathbb{I}\mathbb{N}$ **C. $3\mathbb{I}\mathbb{Z}$** D. $-3\mathbb{I}\mathbb{Z}$

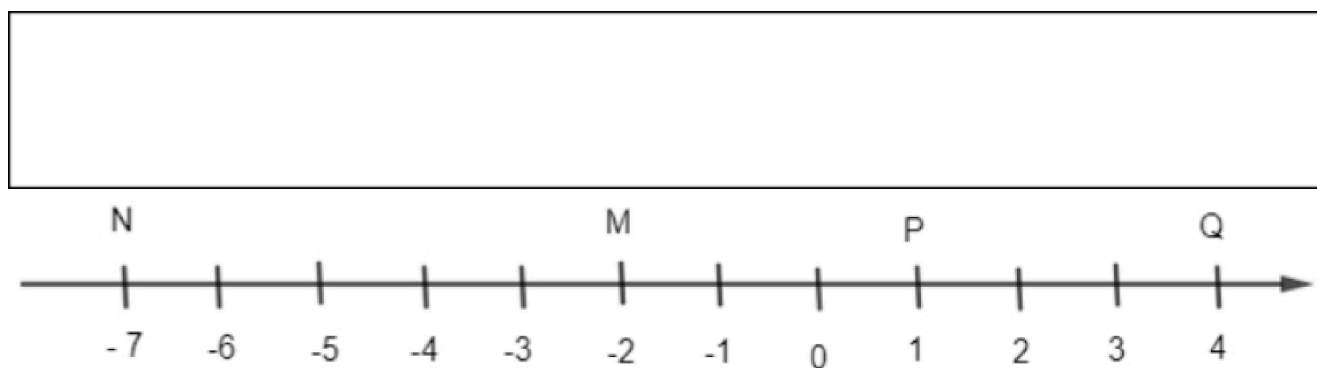
Câu 3: Ông M đang nợ ngân hàng 200 triệu đồng. Số nguyên nào sau đây biểu diễn số tiền ông M đang có?

- A. -200 ; B. 200 ; C. $200\,000\,000$; **D. $-200\,000\,000$.**

Câu 4: Số nguyên âm có hai chữ số nhỏ nhất là:

- A. -99 ; B. -10 ; **C. -11 ;** D. -98 .

Câu 5: Cho hình vẽ sau và cho biết điểm M biểu diễn số nguyên nào?



- A. -7 ; **B. -2 ;** C. 1 ; D. 4 .

-2-

Câu 6: Điền dấu “+” hoặc “-” vào chỗ trống (.....) để được kết quả đúng:

A. $-3 < 0$ B. $0 < +4$ C. $-5 < 3$ D. $+3 < +5$

Câu 7: Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các số nguyên được xếp theo thứ tự tăng dần?

A. $\{2; -17; 5; 1; -2; 0\}$; B. $\{-2; -17; 0; 1; 2; 5\}$;

C. $\{0; 1; -2; 2; 5; -17\}$; D. $\{-17; -2; 0; 1; 2; 5\}$

Câu 8: Hãy sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: $-3; +4; 7; -7; 0; -1$.

A. $-7; -3; -1; 0; +4; 7$. B. $7; +4; 0; -1; -3; -7$.

C. $7; -7; +4; -3; -1; 0$. D. $0; -1; -3; +4; -7; 7$.

Câu 9: Phát biểu sai là:

A. Số đối của 5 là -5 B. Số đối của -5 là -5

C. Số đối của 0 là 0 D. Số đối của -a là a

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là sai?

A. $-54 < -34$; B. $-3179 < -3279$;

C. $87 < 97$. D. $1197 > 1179$.

Câu 11: Liệt kê các phần tử của tập hợp $P = \{x \in \mathbb{Z} \mid -2 \leq x < 4\}$:

A. $P = \{-2; -1; 0; 1; 2; 3; 4\}$. B. $P = \{-1; 0; 1; 2; 3; 4\}$.

C. $P = \{-1; 0; 1; 2; 3\}$. D. $P = \{-2; -1; 0; 1; 2; 3\}$.

Câu 12: Cho tập hợp $K = \{0; 1; 2; 4; 5; 7; 9\}$. Tập hợp H gồm các số đối của các phần tử của tập hợp K là:

A. $K = \{0; -1; -2; -4; -5; -7; -9\}$ B. $K = \{-0; -1; -2; -4; -5; -7; -9\}$.

C. $K = \{-1; -2; -4; -5; -7; -9\}$. D. $K = \{-1; -2; -4; -5; -7; -9; 0; 1; 2; 4; 5; 7; 9\}$.

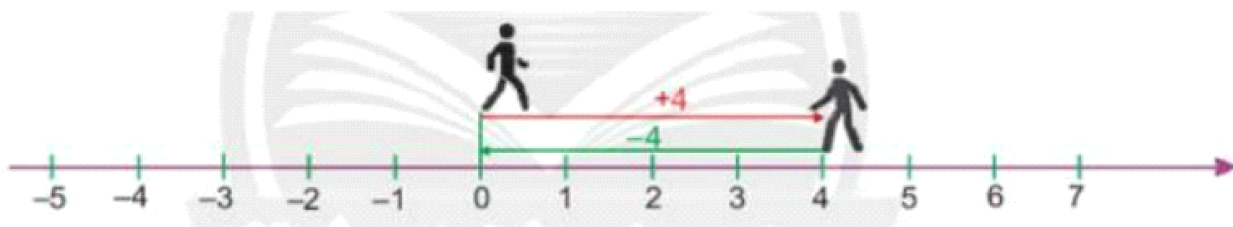
Câu 13: Cho tập hợp $I = \{x \in \mathbb{Z} \mid -12 < x < -11\}$. Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Tập hợp I có 1 phần tử. B. Tập hợp I có 2 phần tử.

C. Tập hợp I có 3 phần tử. D. Tập hợp I có 0 phần tử.

Câu 14: Trên trục số, một người bắt đầu từ điểm 0 di chuyển về bên phải (theo chiều dương) 4 đơn vị đến điểm +4. Sau đó, người đó đổi hướng di chuyển về bên trái 4 đơn vị. Hãy cho biết người đó dừng lại tại điểm nào?

A. 8 B. 4 C. 0 D. -8



Câu 15: Phát biểu đúng là:

- A. Tổng hai số nguyên dương là một số nguyên dương
- B. Tổng hai số nguyên âm là 1 số nguyên dương
- C. Tổng một số nguyên âm và một số nguyên dương là một số nguyên âm
- D. Tổng một số nguyên dương và một số nguyên âm là một số nguyên dương

Câu 16: Kết quả đúng của phép tính $(-99) + (-11)$ là:

A. - 88 B. -100 C. -110 D. 110

Câu 17: Phát biểu nào sau đây đúng về kết quả của phép tính: $(-35) - (-60)$?

- A. Kết quả của phép tính là số nguyên âm B. Kết quả của phép tính là số nguyên dương
C. Kết quả của phép tính bằng 0 D. Cả A và B đều sai

Câu 18: So sánh kết quả hai biểu thức: $A = -(12 - 25)$ và $B = (-12 + 25)$:

- A. $A > B$ B. $A < B$ C. $A = B$ D. $A < B < 0$

Câu 19: Bác Hà là khách quen của cửa hàng tạp hóa nhà bác Lan nên có thể mua hàng trước, trả tiền sau. Hôm qua bác Lan đã cho bác Hà nợ 80 nghìn đồng, hôm nay bác Hà lại được bác Lan cho nợ thêm 40 nghìn đồng nữa. Em hãy dùng số nguyên để giúp bác Lan ghi vào sổ số tiền bác Hà còn nợ bác Lan.

- A. 120 000 B. - 120 000 C. - 80 000 D. - 40 000

Câu 20: Tính $T = - 9 + (-2) - (-3) + (-8) = ?$

- A. $T = 4$ B. $T = -4$ C. $T = 16$ D. $T = -16$

Câu 21: Mũi khoan một giàn khoan trên biển đang ở độ cao 5m so với mực nước biển, chú công nhân điều khiển nó hạ xuống 10m. Vậy mũi khoan ở độ cao nào (so với mực nước biển) sau khi hạ?

- A. 10m B. -10m C. 5m D. -5m

Câu 22: Thẻ tín dụng trả sau của bác Tám đang ghi nợ 2 000 000 đồng, sau khi bác Tám nộp vào 2 000 000 đồng thì bác Tám có bao nhiêu tiền trong tài khoản? Hãy dùng số nguyên để giải thích.

- A. - 2 000 000 đồng; B. 2 000 000 đồng ; C. 0 đồng ; D. 4 000 000 đồng

Câu 23: Một tòa nhà có tám tầng được đánh số theo thứ tự 0 (tầng mặt đất), 1, 2, 3, ..., 7 và ba tầng hầm được đánh số -1; -2; -3. Em hãy dùng phép cộng các số nguyên để diễn tả tình huống: Một thang máy đang ở tầng -3, nó đi lên 5 tầng. Hỏi thang máy dừng lại ở tầng mấy? (Ở một số tòa nhà, tầng mặt đất còn được gọi là tầng G).

A. Tầng G B. Tầng 1 C. Tầng 2 D. Tầng 3

Câu 24: Bỏ dấu ngoặc rồi tính: $(77 + 22 - 65) - (67 + 12 - 75)$;

A. 10 B. 20 C. 30 D. 40

Câu 25: Trong các biểu thức dưới đây, giá trị của biểu thức nào là lớn nhất?

$M = [(-3) + 4] + 2$; $N = (-3) + (4 + 2)$; $P = [(-3) + 2] + 4$.

A. M B. N

C. P D. Không có giá trị biểu thức nào lớn nhất

Câu 26: Archimedes (Ác-si-mét) là nhà bác học người Hi Lạp, ông sinh năm 287 trước công nguyên và mất năm 212 trước công nguyên. Em hãy cho biết Archimedes mất năm bao nhiêu tuổi?

A. 75 tuổi B. 57 tuổi C. 65 tuổi D. 95 tuổi

Câu 27: Cho a là số nguyên dương nhỏ nhất có hai chữ số chia hết cho 2 và 5; b là số nguyên âm lớn nhất có ba chữ số. Tính tổng $a + b$.

A. - 110 B. 110 C. - 90 D. 90

Câu 28: Thực hiện phép tính: $(-2) + (-4) + (-6) + (-8) + (-10) + 8 + 10 + 12$

A. 24 B. -24 C. 0 D. 12

Câu 29: Câu trả lời đúng là:

- A. Tích của 2 số nguyên âm là một số nguyên âm
- B. Tích của 2 số nguyên dương là một số nguyên dương
- C. Tích của 1 số nguyên âm với số 0 là một số nguyên âm
- D. Tích của 1 số nguyên dương với số 0 là một số nguyên dương

Câu 30: Cho hai số nguyên a, b thỏa mãn $a.b = -6$. Tổng $a + b$ nhỏ nhất là:

A. -5 B. -6 C. -1 D. 1

Câu 31: Trong các câu sau đây, câu nào sai?

- A. Mọi số tự nhiên đều là số nguyên
 - B. Mọi số nguyên đều là số tự nhiên
 - C. Số nguyên âm nhỏ hơn số tự nhiên
 - D. Nếu a là số nguyên và a không phải là số tự nhiên thì a là số nguyên âm
- Câu 32:** Tổng của hai số nguyên tố bằng 8. Tích của hai số đó là:

A. 7. B. 15. C. 10. D. 12.

Câu 33: Thực hiện phép tính $122 : 6 + 2.7$ rồi phân tích ra thừa số nguyên tố:

A. 23.7; B. 22.32; C. 2.19; D. 2.32.

Câu 34: ƯCLN (18, 60) là:

A. 36

B. 6

C. 12

D. 30

Câu 35: BCNN (4, 6, 8) là:

A. 2

B. 12

C. 192

D. 24

Câu 36: Bác Ba định kì 3 tháng một lần thay dầu, 6 tháng một lần xoay lốp xe ô tô của mình. Hỏi nếu bác ấy làm hai việc đó cùng lúc vào tháng 5 năm nay thì lần gần nhất tiếp theo của bác ấy sẽ cùng làm hai việc vào tháng nào?

A. tháng 8; B. tháng 9; C. tháng 10; D. tháng 11.

Câu 37: Vào thế kỷ X, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Đó là năm nào? Biết rằng năm ấy chia hết cho 2, chia cho 5 dư 3, chia cho 47 dư 45. **Câu 38:** Kết quả của phép tính $(-5 + 7) \cdot 6$ bằng:

A. -72 B. 72 C. 12 D. -12

Câu 39: Trên tập hợp số nguyên Z , các ước của 5 là:

A. -1 và 1 B. 5 và -5 C. 1; -1; 5 D. 1; -1; 5; -5

Câu 40: Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “+” đằng trước, ta

- A. giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc
 - B. đổi dấu tất cả các số hạng trong dấu ngoặc
 - C. giữ nguyên dấu của số hạng đầu, các số hạng còn lại đổi dấu
 - D. đổi dấu số hạng đầu, các số hạng còn lại giữ nguyên dấu
- Câu 41:** Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “-” đằng trước, ta:
- A. giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc

-5-

- B. đổi dấu tất cả các số hạng trong dấu ngoặc
 - C. giữ nguyên dấu của số hạng đầu, các số hạng còn lại đổi dấu
 - D. đổi dấu số hạng đầu, các số hạng còn lại giữ nguyên dấu
- Câu 42:** Cho phép tính $4 - (12 - 15)$. Sau khi bỏ ngoặc ta được:

A. $4 - 12 - 15$ B. $4 + 12 - 15$ C. $4 - 12 + 15$ D. $4 - 15 - 12$

Câu 43. Cho phép tính $(-385 + 210) + (217 - 385)$. Khi bỏ dấu ngoặc, ta được:

- A. $-385 + 210 + 385 - 217$ B. $385 + 210 + 217 - 385$
- C. $-385 + 210 + 217 - 385$ D. $385 - 210 + 217 - 385$

Câu 44: Tính giá trị biểu thức: $(-314) - (75 + x)$ với $x = 25$, ta được:

A. -214 B. -314 C. -414 D. -404

Câu 45: Không thực hiện phép tính, hãy so sánh: $(+4).(-8)$ với 0:

A. $(+4).(-8) \geq 0$ B. $(+4).(-8) > 0$ C. $(+4).(-8) = 0$ D. $(+4).(-8) < 0$

Câu 46: Tính: $(-8).(-6)(-125) = ?$

A. 480 B. - 4 800 C. - 6 000 D. -1 200

Câu 47: Thực hiện phép tính: $(-8).(-8).(-8).(-8) - 84 + 105$ được kết quả là:

A. 2. 84 B. $84 + 10$ C. 0 D. 105

Câu 48: Tính một cách hợp lí: $121.(-63) + 63.(-53) - 63.26$ được kết quả là:

A. -12 000 B. 12 000 C. 12 600 D. - 12 600

Câu 49: Kết quả của phép tính: $[(-9).(-9).(-9) + 93] : 810$ là:

A. là một số nguyên âm B. là một số nguyên dương C. 1 D. 0

Câu 50: Tìm ba bội của 5.

A. 3 bội của 5 là: 0; 10; 42

B. 3 bội của 5 là: -5; 25; 65

C. 3 bội của 5 là: 26; 5; 45 D. 3 bội của 5 là: -20; -115; 98

Câu 51: Tính một cách hợp lí: $(-16).125.[(-3).22].53 - 2.106$ được kết quả là:

A. 104 B. 105 C. 106 D. 107

Câu 52: Tính một cách hợp lí: $(134 - 34).(-28) + 72.[(-55) - 45]$ được kết quả là:

A. 10 000 B. 1 000 C. - 10 000 D. - 100 000

Câu 53: Có bao nhiêu giá trị nguyên của x , thỏa mãn: $(x + 1).(x - 4) < 0$.

A. Vô số B. 3 C. 0 D. 4

Câu 54: Tìm x biết: $5x + 3x = 88$

A. $x = 11$ B. $x = 5$ C. $x = 8$ D. Một kết quả khác

Câu 55: Biết x là ước của 24 và $x \geq 10$. Tìm tất cả các giá trị của x thỏa mãn:

A. $x \in \{12; 24\}$ B. $x \in \{10; 12; 24\}$

C. $x \in \{12; 18; 24\}$ D. $x \in \{12\}$

Câu 56: Có bao nhiêu số nguyên x thoả mãn $-5 < x < 2$.

A. 7 B. 6 C. 5 D. 8

Câu 57: Nếu $x - 3$ là số nguyên âm lớn nhất, $y + 9$ là số nguyên dương nhỏ nhất thì $x + y$ bằng:

A. 12 B. 6 C. 0 D. -6

Câu 58: Tổng các số nguyên x thoả mãn $-5 < x < 6$.

-6-

A. 6 B. -6 C. 5 D. -5

Câu 59: Tìm số nguyên x , biết: $(-24).x - 5 = -125$;

A. $x = 5$ B. $x = -5$ C. $x = 2$ D. $x = -2$

Câu 60: Tìm các số nguyên x , biết: $100 : (2x - 16) = -10$

A. $x = 3$ B. $x = 13$ C. $x = -3$ D. $x = -13$

Câu 61: Tìm các số nguyên x , sao cho x chia hết cho 18 và $-72 < x < 0$

A. $x \in \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ B. $x \in \{0; 18; 36; 54; \dots\}$

C. $x \in \{-18; -36; -54\}$ D. $x \in \{\dots; -36; -18; 0; 18; 36; 54; \dots\}$

Câu 62: Tìm các số nguyên x , sao cho: $2x - 3$ là bội của $x + 1$

A. $x = 0$ B. $x \in \{0; -2; 4; -6\}$ C. $x \in \{0; -2; 4\}$ D. $x \in \{4; -6\}$

Câu 63: Tổng của ba số 15; -9; và $-x$ là 16. Do đó x bằng:

A. 10 B. -10 C. 22 D. -22

Câu 64: Tìm số nguyên x , biết: $(-300) : 20 + 5.(3x - 1) = 25$

A. $x = 1$ B. $x = 3$ C. $x = -1$ D. $x = -3$

Câu 65: Một công ty có 3 cửa hàng A, B, C. Kết quả kinh doanh sau một năm của từng cửa hàng như sau: Cửa hàng A: lãi 225 triệu đồng. Cửa hàng B: lỗ 280 triệu đồng. Cửa hàng C: lãi 655 triệu đồng.

Hỏi bình quân mỗi tháng công ty lãi hay lỗ bao nhiêu tiền từ ba cửa hàng đó?

A. 386,7 triệu B. 630 triệu C. 600 triệu D. 50 triệu

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1: Bỏ dấu ngoặc rồi tính:

- 1) $40 + 15 + (-10) + (-15)$
- 2) $-13 + (-750) + (-17) + 750$
- 3) $(35 - 17) + (17 + 120 - 35)$
- 4) $(55 + 45 + 15) - (15 - 55 + 45)$
- 5) $-(12 + 21 - 23) - (23 - 21 + 10)$
- 6) $(2020 - 79 + 15) - (-79 + 15)$
- 7) $-(515 - 80 + 91) - (2010 + 80 - 91)$
- 8) $25 - (-17) + 24 - 12$
- 9) $235 - (34 + 135) - 100$
- 10) $(13 + 49) - (13 - 135 + 49)$

Bài 2: Thực hiện các phép tính (tính nhanh nếu có thể):

- 1) $45.37 + 45.63 - 100$
- 2) $148.9 - 32.48$
- 3) $18.17 - 3.6.7$
- 4) $58.57 + 58.150 - 58.125$
- 5) $33.(17 - 5) - 17.(33 - 5)$
- 6) $300 : 4 + 300 : 6 - 25$
- 7) $19.25 + 19.16 + 41$
- 8) $306 - [(180.4 - 160) : 22 - 9] : (-2)$
- 9) $-12 + 3.\{90 : [39 - (23 - 5)^2]\}$

-7-

- 10) $2002 - \{474 - 40.[34 - (82 - 7)] + 142 : 7\}$
- 11) $2021 + (-247) + (-53) - 2021$
- 12) $(4 + 32 + 6) + (10 - 32 - 2)$
- 13) $40 + (139 - 172 + 99) - (139 + 199 - 127)$
- 14) $19.43 + (-20).43 - (-40)$
- 15) $-564 + [(-724) + 564 + 224]$
- 16) $-27 + 34 + (-173) + (-50) + 166$
- 17) $32 - 34 + 36 - 38 + 40 - 42$
- 18) $(351 - 875) - (125 - 149)$

$$19) 1152 - (374 + 1152) + (-65 + 374)$$

$$20) (-8) \cdot 25 \cdot (-2) \cdot 4 \cdot (-5) \cdot 125$$

$$21) 17 \cdot [29 - (-111)] + 29 \cdot (-17)$$

$$22) 20220 - \{102 : [20 \cdot 15 - 23 \cdot 52] + (-25)\}$$

$$23) (-39) \cdot 217 + 217 \cdot (-61)$$

$$24) (39 - 19) : (-2) + (34 - 22) \cdot 5$$

$$25) (-157) \cdot (127 - 316) - 127 \cdot (316 - 157) \text{ Bài 3: Tìm số tự nhiên } x, \text{ biết:}$$

$$1) 3x - 17 = 28$$

$$2) 25 - 3 \cdot (6 - x) = 22$$

$$6) (-300) : 2 + 5.(3x - 1) = 125$$

$$7) 2.(x + 6) + 12 = 72$$

$$3) [(2x - 11) : 3 + 1].5 = 20 \quad 8) (x - 5).(3x - 6) = 0$$

$$4) (25 - 2x)3 : 5 - 32 = 429) (x - 140) : 7 = 33 - 23.3$$

$$5) 2.3x = 10.312 + 8.274 \quad 10) 3x + 1 + 3x + 2 = 324$$

Bài 4: Tìm x nguyên, biết:

$$1) x - 65 = 38 - 58$$

$$2) 3(x + 6) - 53 = 2(x - 8) - 1$$

$$3) (2 + x)3 - 23 = 41$$

$$4) 20 - [42 + (x - 6)] = 90$$

$$5) (x + 3).(2x - 4) = 0$$

$$6) x + 1 \text{ là ước của } 15$$

$$7) x \text{ là bội của } 4 \text{ và } -12 < x < 40$$

$$8) x - 5 \text{ là số nguyên âm lớn nhất có 2 chữ số}$$

$$9) 4x + 8 \text{ là số nguyên dương nhỏ nhất có 3 chữ số}$$

$$10) (2x - 1) \div (x - 3)$$

Bài 5: Tính các tổng sau:

$$1) 1 + (-2) + 3 + (-4) + \dots + 19 + (-20)$$

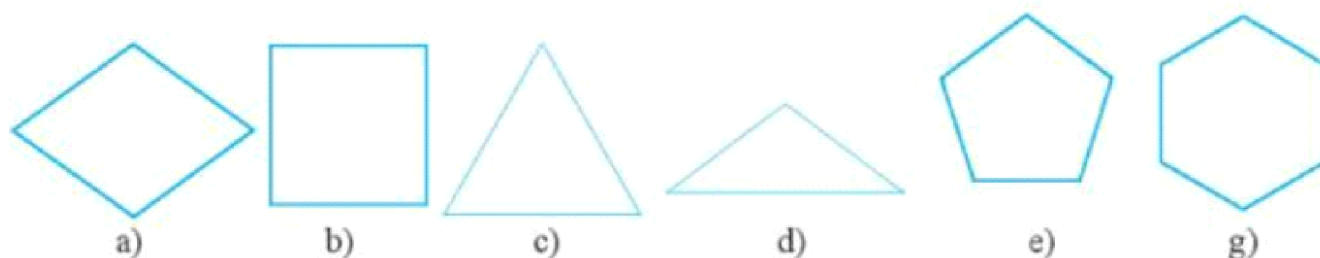
2) $1 - 2 + 3 - 4 + \dots + 99 - 100$

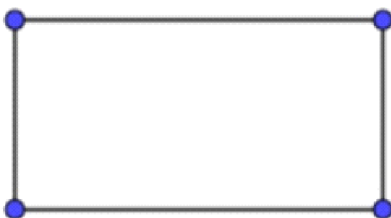
3) $1 + 2 - 3 - 4 + \dots + 97 + 98 - 99 - 100$

Bài 6: Một cửa hàng vừa nhập một số trứng, nếu đựng trong các loại khay chứa 10 trứng, 12 trứng hoặc 15 trứng thì đều thừa 1 trứng. Hỏi tổng số trứng vừa nhập vào cửa hàng là bao nhiêu, biết số trứng trong khoảng từ 350 đến 400 quả.

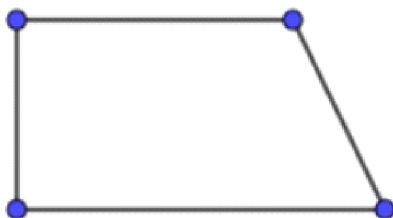
Bài 7: Cho $A = 1 + 3 + 32 + 33 + \dots + 398$. Chứng tỏ rằng A là bội của 13. **Bài 8:** a) Tìm cặp số tự nhiên $x; y$ biết: $(x - 2).(y + 7) = 17$.

b) Tìm các số tự nhiên n để $(3n + 16)$ là bội của $(n + 4)$.

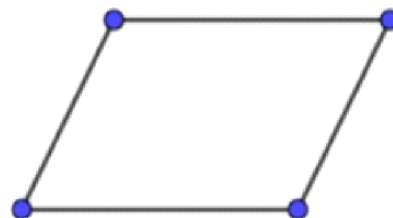




a)



b)



c)

-8-

PHẦN HÌNH HỌC

A. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

1. Dấu hiệu nhận biết các hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều, hình thoi, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân.

(Xem lại nội dung trong đề cương ôn tập giữa kì I)

2. Công thức tính chu vi và diện tích của một số hình.

3. Nhận biết các hình có trục đối xứng, tâm đối xứng.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Ôn lại nội dung trong đề cương ôn tập giữa kì I

2. Bài tập bổ sung:

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Quan sát các hình dưới đây và cho biết hình nào là hình vuông, hình nào là hình tam giác đều, hình nào là hình lục giác đều?

A. Hình vuông là b), tam giác đều là d), lục giác đều là e)

B. Hình vuông là a), tam giác đều là c), lục giác đều là g)

C. Hình vuông là a), tam giác đều là d), lục giác đều là e)

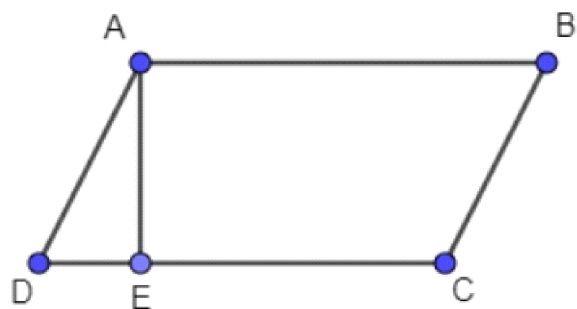
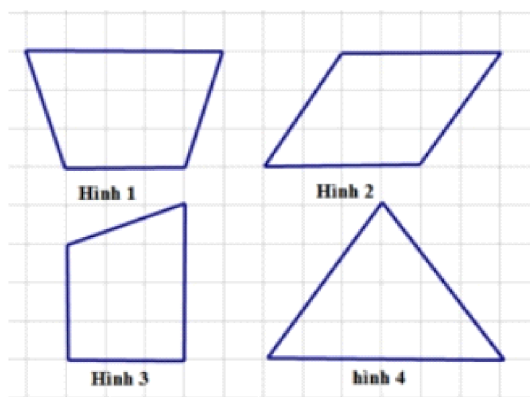
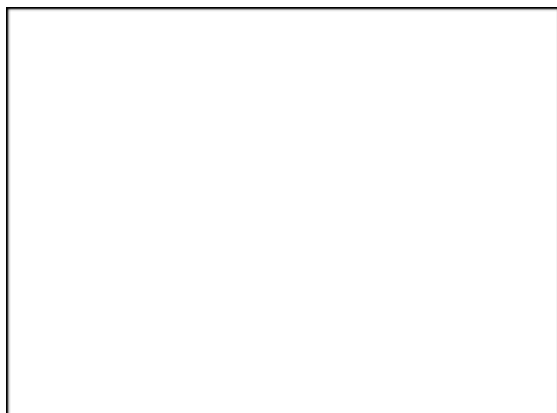
D. Hình vuông là b), tam giác đều là c), lục giác đều là g).

Câu 2. Quan sát hình sau và cho biết hình nào là hình chữ nhật, hình nào là hình thoi?

A. Hình chữ nhật là hình a), Hình c) là hình thoi

B. Không có hình chữ nhật, Hình c) là hình thoi

- C. Hình chữ nhật là hình a), không có hình thoi
 D. Hình chữ nhật là hình b), Hình c) là hình thoi



-9-

Câu 3. Hình nào dưới đây là hình bình hành?

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 4. Cho hình vẽ sau:

Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. ABCD là hình thoi

B. ABCE là hình thang cân

C. ABCD là hình bình hành D. ABCE là hình chữ nhật

Câu 5. Sắp xếp các bước vẽ hình tam giác đều cạnh 2cm:

- 1) Vẽ đường tròn tâm A bán kính 2cm và đường tròn tâm B bán kính 2cm.
- 2) Vẽ đoạn thẳng AB bằng 2cm.
- 3) Nối các điểm A với C, B với C ta được tam giác đều ABC cạnh 2 cm.
- 4) Hai đường tròn tâm A và tâm B cắt nhau tại điểm C.

A. 1 – 3 – 2 – 4 B. 1 – 2 – 4 – 3 C. 2 – 3 – 1 – 4 D. 2 – 1 – 4 – 3

Câu 6. Diện tích hình bình hành có chiều dài một cạnh 20 cm và chiều cao tương ứng 5 cm là:

A. 50 cm² B. 100 cm² C. 10 cm² D. 5 cm²

Câu 7. Diện tích của một hình thoi là 100 m² và một đường chéo dài 20 dm. Độ dài đường chéo còn lại là:

A. 50 dm B. 25 m C. 50 m D. 5 dm

Câu 8. Hình chữ nhật có chu vi bằng 28 cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó biết chiều dài hơn chiều rộng 6cm.

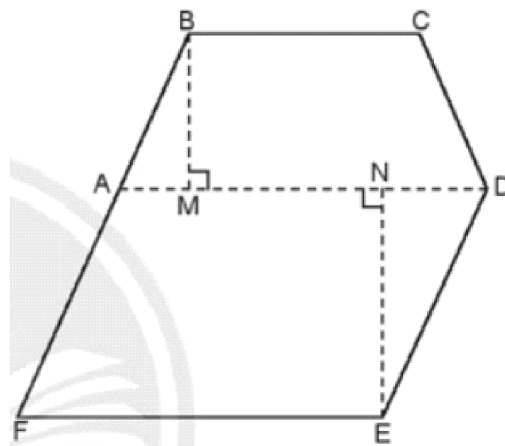
- A. 24 cm² B. 187 cm² C. 66 cm² D. 40 cm²

Câu 9. Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 30m; 40m và 25m có chu vi là:

- A. 95m B. 120m C. 875m² D. 8 750m².

Câu 10. Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 40 m, 30 m, 25 m, có diện tích là:

- A. 1 750 m² B. 175 m² C. 875 m² D. 8 750 m²



-10-

Câu 11. Chu vi hình thoi có cạnh 5dm là:

A. 20 cm B. 200 dm C. 25 dm D. 200 cm

Câu 12. Một mảnh giấy hình chữ nhật có chiều dài 12cm và diện tích mảnh giấy hình chữ nhật này là 96 cm². Chu vi mảnh giấy hình chữ nhật:

A. 8 cm B. 30 cm C. 40 cm D. 60 cm

Câu 13. Một hình thang cân có diện tích 200 m² và chiều cao là 10 m. Tổng độ dài hai đáy của hình thang cân:

A. 40 m B. 20 m C. 10 m D. 2 m

Câu 14. Bác Am muốn làm hàng rào cho khu vườn hình vuông trồng hoa hồng của mình. Biết khu vườn có cạnh 5m, tính độ dài hàng rào?

A. 25m B. 20m C. 10m D. 5m

Câu 15. Cho hình thang cân có tổng hai đáy bằng 18 dm và chu vi hình thang cân 340 cm. Độ dài cạnh bên của hình thang cân là:

A. 16dm B. 8 dm C. 16cm D. 8cm

Câu 16. Hình vuông có diện tích 64 m². Độ dài hai cạnh hình vuông là:

A. 16 m B. 36 cm C. 8 m D. 8 cm

Câu 17. Thầy giáo ra bài toán: Tính chu vi và diện tích một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 25 m, chiều dài 300 dm.

Bạn An thực hiện như sau: Bước 1: $(25 + 300) \cdot 2 = 650$

Bước 2: Chu vi khu vườn 650 m. Bước 3: $25 \cdot 300 = 7\,500$

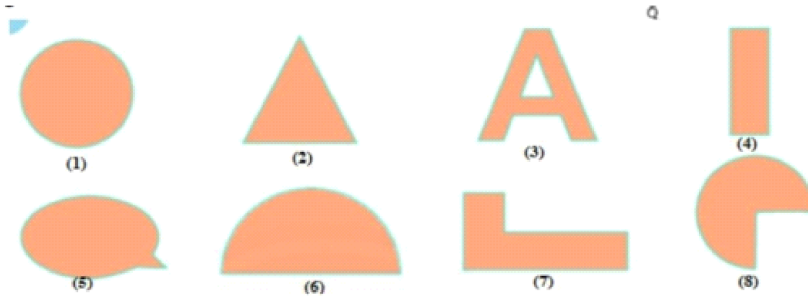
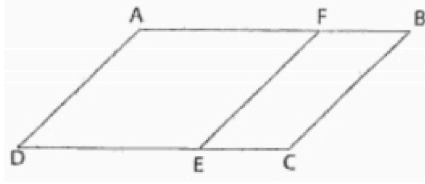
Bước 4: Diện tích khu vườn.

Thầy giáo bảo bạn An đã làm sai. Em hãy chỉ ra bạn An sai chỗ nào.

A. Bước 1 B. Bước 2 C. Bước 3 D. Tất cả các bước.

Câu 18. Một mảnh vườn có hình dạng như hình vẽ bên. Để tính diện tích mảnh vườn, người ta chia nó thành hình thang cân ABCD và hình bình hành ADEF có kích thước như sau: $BC = 30\text{ m}$; $AD = 42\text{ m}$, $BM = 22\text{ m}$, $EN = 28\text{ m}$. Hãy tính diện tích mảnh vườn này.

A. 792 m² B. 1 176 m² C. 1 968 m² D. 1 878 m²



-11-

Câu 19. Cho hình bình hành ABCD có diện tích bằng 28 cm^2 và $CD = 7 \text{ cm}$. Vẽ AH vuông góc với CD và CK vuông góc với AB. Biết $BK = 2 \text{ cm}$. Diện tích hình chữ nhật AHCK là:

A. 20 cm^2 B. 10 cm^2 C. 14 cm^2 D. 35 cm^2

Câu 20. Hình bình hành có diện tích 50 cm^2 và một cạnh bằng 10 cm thì chiều cao tương ứng với cạnh đó là:

A. 5 cm B. 10 cm C. 25 cm D. 5 dm .

Câu 21. Một hình chữ nhật có chu vi 80 m . Nếu tăng chiều dài thêm 5 m nhưng lại bớt chiều rộng đi 3 m ta được hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng nửa chiều dài. Diện tích hình chữ nhật ban đầu là:

A. $371m^2$ B. $280 m^2$ C. $391m^2$ D. $291m^2$

Câu 22. Cho các hình bình hành $ABCD$, $FBCE$, $AFED$ (hình vẽ bên). Tính diện tích hình bình

hành $FBCE$ biết diện tích hình bình hành $ABCD$ là $48cm^2$ và độ dài cạnh DC gấp 3 lần độ dài cạnh EC .

A. $12m^2$ B. $14 m^2$ C. $10 m^2$ D. $16 m^2$

Câu 23. Trong các phát biểu dưới đây, phát biểu nào là đúng?

- A. Tam giác đều MNP là hình có tâm đối xứng.
- B. Hình bình hành $MNPQ$ luôn nhận MP làm trục đối xứng.
- C. Hình bình hành luôn có 4 trục đối xứng.
- D. Hình thang cân luôn có trục đối xứng.

Câu 24. Trong giờ thảo luận nhóm, ba bạn Hùng, bạn Kiên, Minh phát biểu như sau: - Bạn Hùng nói: “Hình thoi chỉ có tâm đối xứng và không có trục đối xứng”.

- Bạn Kiên nói: “Hình chữ nhật không có tâm đối xứng và chỉ có trục đối xứng”. - Bạn Minh phát biểu: “Hình vuông có cả tâm đối xứng và trục đối xứng”.

Theo em, bạn nào phát biểu đúng?

A. Bạn Minh B. Bạn Kiên C. Bạn Hùng D. Cả ba bạn đều đúng.

Câu 25. Hình chữ nhật có bao nhiêu trục đối xứng?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4.

Câu 26. Trong những hình dưới đây, những hình có trục đối xứng là:

A. 1, 2, 4 B. 1,2,4,6 . C. 1,2,3,4,6,8 . D. 1,2,4,5 .

Câu 27. Hình tam giác đều có mấy trục đối xứng?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 0.



H K M N X



a)



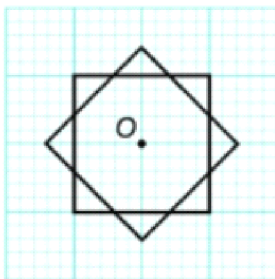
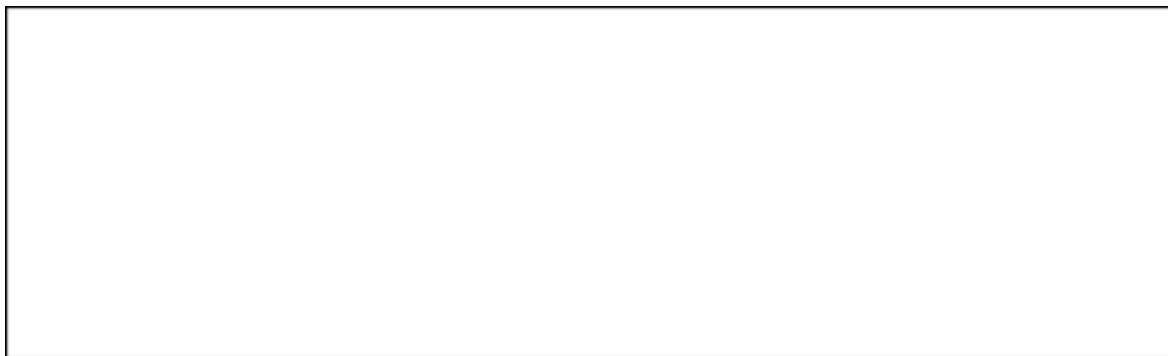
b)



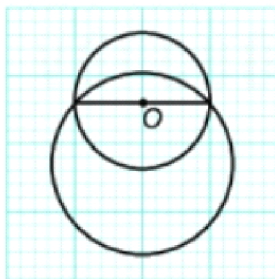
c)



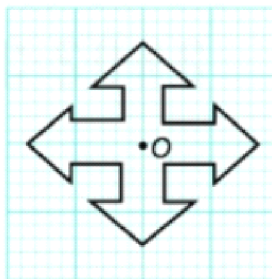
d)



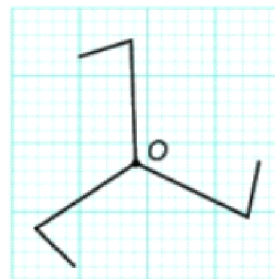
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Câu 28. Hình nào sau đây *không* có tâm đối xứng?

A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật. C. Hình bình hành. D. Hình tam giác đều.

Câu 29. Cho các chữ cái sau đây, những chữ cái có tâm đối xứng là:

A. H, N. B. H, M, X. C. H, N, X. D. N, X.

Câu 30. Cho các hình sau đây:

(1) Đoạn thẳng AB (2) Tam giác đều ABC (3) Hình tròn tâm O

Trong các hình nói trên, các hình có tâm đối xứng là:

A. (1). B. (1), (2). C. (1), (3). D. (1), (2), (3).

Câu 31. Hình nào dưới đây có trục đối xứng?

A. Hình a), Hình b), Hình c)

B. Hình a), Hình c), Hình d)

C. Hình b), Hình c), Hình d) D. Hình a) và Hình c)

Câu 32. Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Mỗi đường chéo là một trục đối xứng của hình chữ nhật.

C. Mỗi đường thẳng đi qua trung điểm của hai cạnh đối diện là trục đối xứng của hình thoi.

D. Mỗi đường chéo là một trục đối xứng của hình bình hành.

B. Mỗi đường thẳng đi qua tâm một đường tròn là trục đối xứng của hình tròn. **Câu 33.**

Trong các câu sau, câu nào sai?

A. Hình vuông có 4 trục đối xứng.

B. Hình thoi, các góc khác 90° có đúng hai trục đối xứng.

C. Hình lục giác đều có đúng 3 trục đối xứng.

D. Hình chữ nhật có hai kích thước khác nhau có đúng hai trục đối xứng. **Câu 34.** Trong các số 4; 0; 6; 9, số nào có tâm đối xứng?

A. 4 B. 0 C. 6 D. 9

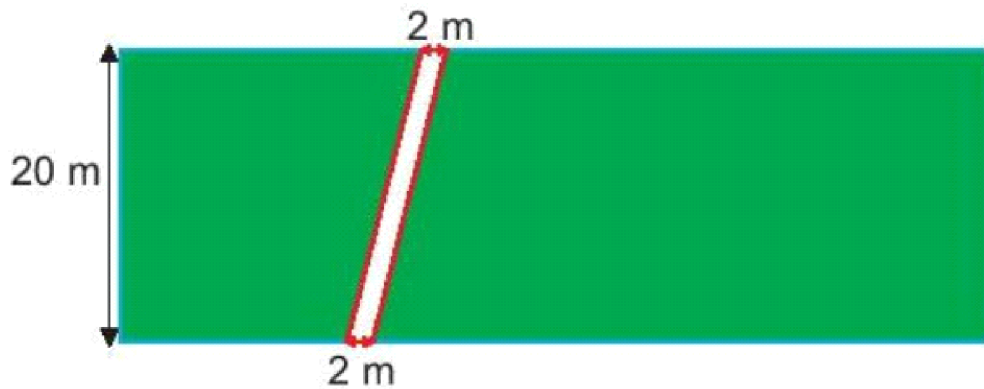
Câu 35. Trong các hình dưới đây, điểm O là tâm đối xứng của những hình nào?

A. Hình 1 và Hình 2

B. Hình 1 và Hình 3

C. Hình 1 và Hình 4

D. Hình 1, Hình 3 và Hình 4



-13-

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1. Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- a) Hình chữ nhật có chiều dài 11 cm và chiều rộng 5 cm.
- b) Hình vuông có cạnh 5 cm.
- c) Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4 cm và 10 cm, chiều cao 4 cm, cạnh bên 5 cm.
- d) Hình thoi có cạnh 5 cm, độ dài hai đường chéo là 6 cm và 8 cm.
- e) Hình bình hành MNPQ có độ dài cạnh $MN = 12$ cm và $NP = 10$ cm, chiều cao ứng với cạnh MN là 8 cm.

Bài 2. Một hình chữ nhật có chiều dài là 16 m và chiều rộng là 10 m. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Tính diện tích hình vuông đó.

Bài 3. Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 16 m, chiều rộng 6 m. Người ta dự định lát nền bởi những viên gạch men hình vuông có cạnh 4 dm. Hỏi người ta cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát kín nền nhà?

Bài 4. Trong một khu vườn hình chữ nhật, người ta làm một lối đi lát sỏi với các kích thước như hình vẽ sau. Chi phí cho mỗi mét vuông làm lối đi hết 120 nghìn đồng. Hỏi chi phí để làm lối đi là bao nhiêu?

Bài 5. Hình thoi ABCD có tâm đối xứng O. Biết $OA = 3\text{cm}$, $OB = 2\text{cm}$. Tính diện tích hình thoi.

NHÓM TRƯỞNG

BAN GIÁM HIỆU

(Đã duyệt)

Nguyễn Thị Trọng

Vũ Hiền Phương

CHÚC CÁC CON ÔN TẬP VÀ LÀM TỐT BÀI KIỂM TRA!